Thành phố: Thành phố Chí Linh
UBND Phường: Hoàng Tân

Mẫu số B01- X
(Ban hành kèm theo Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm: 2021

I. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	1	2
	TÀI SẢN			
I	**Tiền**	**01**	**215.760.856**	**495.341.852**
II	**Chi ngân sách xã chưa hạch toán vào ngân sách Nhà nước**	**02**		
III	**Các khoản phải thu**	**03**		
IV	**Hàng tồn kho**	**04**		
V	**Tài sản cố định**	**10**	**32.159.461.891**	**33.229.412.795**
1	Tài sản cố định hữu hình	11	29.627.461.891	30.697.412.795
	- Nguyên giá	12	40.957.495.900	46.713.989.900
	- Hao mòn lũy kế	13	(11.330.034.009)	(16.016.577.105)
2	Tài sản cố định vô hình	15	2.532.000.000	2.532.000.000
	- Nguyên giá	16	2.532.000.000	2.532.000.000
	- Hao mòn lũy kế	17		
VI	**Xây dựng cơ bản dở dang**	**20**	**53.066.082.086**	**23.569.930.745**
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (30= 01+02+03+04+10+20)	**30**	**85.441.304.833**	**57.294.685.392**
	NGUỒN VỐN			
I	**Nợ phải trả**	**40**	**38.254.542.086**	**17.765.277.745**
II	**Thu ngân sách xã chưa hạch toán vào ngân sách nhà nước**	**41**		
III	**Thặng dư (thâm hụt) lũy kế**	**45**	**132.054.196**	**440.180.652**
IV	**Các quỹ tài chính ngoài ngân sách của xã**	**46**		
V	**Nguồn khác**	**47**	**47.054.708.551**	**39.089.226.995**
1	Nguồn kinh phí đầu tư XDCB	48	14.895.246.660	5.859.814.200
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	49	32.159.461.891	33.229.412.795
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (50=40+41+45+46+47)	**50**	**85.441.304.833**	**57.294.685.392**

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG XÃ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
1	Thu ngân sách xã hạch toán vào ngân sách Nhà nước	60	21.116.039.405	28.841.521.191
2	Chi ngân sách xã hạch toán vào ngân sách Nhà nước	61	20.983.985.209	28.401.340.539
3	Thặng dư (62= 60 – 61)	62	132.054.196	440.180.652

Thành phố: Thành phố Chí Linh
UBND Phường: Hoàng Tân

III. LƯU CHUYỂN TIỀN

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
1	**Các khoản thu**	**70**	**21.143.173.613**	**28.685.461.160**
	- Thu ngân sách xã	71	20.675.858.753	28.578.827.960
	- Tiền thu khác	72	467.314.860	106.633.200
2	**Các khoản chi**	**73**	**(21.422.754.609)**	**(28.452.812.539)**
	- Tiền chi ngân sách xã	74	(20.983.985.209)	(28.401.340.539)
	- Tiền chi khác	75	(438.769.400)	(51.472.000)
3	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động xã**	**76**	**(279.580.996)**	**232.648.621**
4	**Số dư tiền đầu kỳ**	**77**	**495.341.852**	**262.693.231**
5	**Số dư tiền cuối kỳ**	**78**	**215.760.856**	**495.341.852**

IV. THUYẾT MINH

1. Thông tin bổ sung cho phần 1 – Tình hình tài chính

1.1. Tiền

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt		
- Tiền gửi Kho bạc	132.054.196	440.180.652
- Tiền gửi Ngân hàng		
- Tiền gửi khác	83.706.660	55.161.200
Tổng cộng tiền	215.760.856	495.341.852

1.2. Các khoản phải thu

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tạm ứng		
- Phải thu khác		
Tổng cộng các khoản phải thu		

1.3.Hàng tồn kho

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu		
- Công cụ, dụng cụ		
Tổng hàng tồn kho		

1.4.Tài sản cố định

Chi tiết	TSCĐ hữu hình	TSCĐ vô hình
Nguyên giá	40.957.495.900	2.532.000.000
Số dư đầu năm	46.713.989.900	2.532.000.000
Tăng trong năm	18.904.126.000	
Giảm trong năm	24.660.620.000	
Giá trị hao mòn lũy kế	11.330.034.009	
Giá trị còn lại cuối năm	29.627.461.891	2.532.000.000

Thành phố: Thành phố Chí Linh
UBND Phường: Hoàng Tân

1.5. Xây dựng cơ bản dở dang

	Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
a.	Mua sắm TSCĐ (chi tiết theo từng tài sản)		
b.	XDCB dở dang (chi tiết theo từng công trình)	53.066.082.086	23.569.930.745
1	Cải tạo nền sân và các công trình phụ trợ UBND phường Hoàng Tân, thành phố Chí Linh	1.043.400.000	828.413.000
2	Cải tạo nghĩa trang liệt sỹ phường Hoàng Tân, TP Chí Linh	1.772.420.000	
3	Chỉnh trang tỉnh lộ 398B trung tâm phường Hoàng Tân (Đoạn từ Km1+700-Km3+67). Hạng mục thoát nước và block hè phố	5.112.570.000	2.000.000.000
4	Chỉnh trang tuyến đường từ TL398B ra QL18a, phường Hoàng Tân, thành phố Chí Linh	460.682.000	
5	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư Đại Tân, phường Hoàng Tân, thị xã Chí Linh	8.539.000.000	7.566.046.000
6	Hội trường Đảng ủy - UBND phường Hoàng Tân, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương		4.787.545.000
7	Kiên cố hóa kênh tưới, tiêu nội đồng từ đồng Quýt đến KDC Bến Tắm	1.378.318.940	
8	Kiên cố hóa kênh tưới, tiêu nội đồng xóm Đình Vọ và kênh tưới từ nhà Ông Luyến đến Đại Tân, phường Hoàng Tân, thành phố Chí Linh	2.753.247.850	
9	Nâng cấp các công trình phụ trợ UBND phường Hoàng Tân	1.127.134.000	
10	Nâng cấp mở rộng nền đường giao thông từ KDC Đại Bộ xã Bắc An, phường Hoàng Tân, thành phố Chí Linh	7.500.504.696	
11	Nâng cấp, mở rộng nền đường giao thông từ Đồng Tân đi Trại Mét, phường Hoàng Tân, thành phố Chí Linh	3.405.583.000	
12	Nâng cấp, mở rộng nền đường giao thông từ nhà ông Việt đi xóm 17 KDC Đọ Xá, phường Hoàng Tân, thành phố Chí Linh	6.236.985.000	
13	Nhà làm việc một cửa, Nhà bảo vệ UBND phường Hoàng Tân, TP Chí Linh		1.582.068.000
14	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng và các công trình phụ trợ Trường tiểu học Hoàng Tân	3.485.651.000	1.205.858.745
15	Nhà văn hóa KDC Bến Tắm, phường Hoàng Tân		800.000.000
16	Nhà văn hóa KDC Đại Bộ, phường Hoàng Tân		500.000.000
17	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND phường Hoàng Tân, TP Chí Linh		4.300.000.000
18	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND phường Hoàng Tân, TP Chí Linh	7.968.505.600	
19	Xây dựng các hạng mục phụ trợ nhà văn hóa KDC Đọ Xá, phường Hoàng Tân	1.153.661.000	
20	Xây dựng các hạng mục phụ trợ nhà văn hóa KDC Đồng Tân, phường Hoàng Tân	1.128.419.000	
c.	Nâng cấp TSCĐ (chi tiết theo từng tài sản)		
Tổng giá trị xây dựng dở dang		53.066.082.086	23.569.930.745

Thành phố: Thành phố Chí Linh
UBND Phường: Hoàng Tân

1.6. Nợ phải trả

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Các khoản nộp theo lương		
- Các khoản nộp nhà nước		
- Phải trả cán bộ, công chức		
- Các khoản thu hộ, chi hộ	83.706.660	55.161.200
- Nợ phải trả khác	38.170.835.426	17.710.116.545
Tổng cộng các khoản phải trả	38.254.542.086	17.765.277.745

1.7. Các quỹ ngoài ngân sách của xã

2. Thông tin bổ sung cho phần 2 - Kết quả hoạt động

Chi tiết	Mã số	Số tiền
- Thu ngân sách xã hạch toán vào ngân sách Nhà nước	80	21.116.039.405
+ Thu ngân sách xã	81	21.116.039.405
+ Thu bổ sung từ chênh lệch Thu lớn hơn chi sự nghiệp	82	
- Chi ngân sách xã hạch toán vào ngân sách Nhà nước	83	20.983.985.209
- Thặng dư (Số kết dư ngân sách xã năm nay)	84	132.054.196

....., ngày .... tháng .... năm .....

Kế toán trưởng	**Chủ tịch UBND phường**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*
Lê Thùy Linh	**Nguyễn Văn Cấp**